

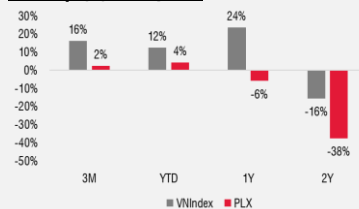
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, PLX: HOSE)

Ngày báo cáo: 11/03/2024
NGÀNH: DẦU KHÍ
PGĐ PTCP: Đào Minh Châu, CFA
Email: chaudm@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3636 3688 ext. 3052

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **40.800 Đồng**
Giá CP ngày 08/03/2024: 36.800 Đồng
% Tăng giá: **+10,9%**

Giá trị vốn hoá (triệu USD): 1.850
Giá trị vốn hoá (tỷ đồng): 45.678
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 1.271
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 771.014
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 41,1/31,9
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 27,2
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 17,2
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 75,9

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập vào năm 1956, Petrolimex là nhà nhập khẩu và phân phối xăng dầu lớn nhất và lâu đời nhất tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần. Công ty đã IPO vào năm 2012 với vốn điều lệ là 10.700 tỷ đồng. Kể từ đó, PLX đã bán khoảng 169 triệu cổ phiếu (-13,8% cổ phần) cho đối tác chiến lược là Tập đoàn ENEOS – công ty bán lẻ xăng dầu lớn nhất Nhật Bản với khoảng 50% thị phần.

Lợi nhuận có thể duy trì đà tăng trưởng trong năm 2024

Trong Q4/2023, LNTT của PLX đạt 850 tỷ đồng - giảm 48,5% so với mức nền so sánh cao trong Q4/2022 và 28% so với quý trước chủ yếu do mảng xăng dầu. Sản lượng tiêu thụ xăng dầu trong nước trong Q4/2023 giảm 11% so với mức đỉnh vào Q4/2022 đạt 2,6 triệu m³/tần, trong đó sản lượng bán lẻ giảm 7,7% svck đạt 1,7 triệu m³/tần. Lợi nhuận từ mảng xăng dầu giảm 55% svck và 33% so với quý trước đạt 322 tỷ đồng do giá xăng dầu giảm hơn 10% trong quý, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của công ty.

Lũy kế cả năm 2023, LNTT đạt 3,93 nghìn tỷ đồng, tăng 73,2% svck và vượt 22% kế hoạch của công ty. Sản lượng tiêu thụ từ kênh bán lẻ tăng 6,9% svck đạt 7,02 triệu m³/tần, tăng 40% so với năm 2021.

Trong thời gian tới, chúng tôi cho rằng PLX sẽ còn dư địa để tăng thị phần nhờ kiểm soát chặt chẽ hơn mảng hoạt động kinh doanh xăng dầu và việc yêu cầu các cửa hàng bán lẻ phải phát hành hóa đơn điện tử.

Chúng tôi duy trì dự báo LNTT năm 2024 đạt 4,4 nghìn tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 12% svck. Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ xăng dầu sẽ tăng 4,1% đạt 10,8 triệu m³/tần, trong đó sản lượng bán lẻ có thể tăng 4,5% svck đạt 7,3 triệu m³. Công ty duy trì kế hoạch mở khoảng 60-80 trạm bán lẻ xăng dầu mới vào năm 2024, tương đương khoảng 2-3% số lượng cửa hàng hiện tại. Chúng tôi ước tính LNTT Q1/2024 có thể tăng hơn 15% svck nhờ giá dầu phục hồi trong vài tháng qua.

PLX đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2024 là 15x, thấp hơn mức trung bình lịch sử 18-20x. Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN đối với cổ phiếu PLX**, với **giá mục tiêu 1 năm là 40.800 đồng/cổ phiếu dựa trên P/E mục tiêu là 16,5x**. Bên cạnh mức tăng trưởng lợi nhuận tích cực, tỷ suất cổ tức bằng tiền mặt là 4,1% sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu PLX.

KQKD Q4/2023

Tỷ đồng	4Q23	4Q22	YoY	3Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận		
							4Q23	4Q22	3Q23
Doanh thu thuần	68.656	78.383	-12,4%	72.414	-5,2%	144%			
Lợi nhuận gộp	3.982	4.286	-7,1%	3.780	5,4%		5,8%	5,5%	5,2%
Lợi nhuận hoạt động	1.014	1.526	-33,6%	1.379	-26,5%		1,5%	1,9%	1,9%
EBIT	1.065	1.814	-41,3%	1.406	-24,3%		1,6%	2,3%	1,9%
EBITDA	3.169	3.982	-20,4%	1.406	125,4%		4,6%	5,1%	1,9%
Lợi nhuận trước thuế	850	1.646	-48,4%	1.180	-28,0%	122%	1,2%	2,1%	1,6%
Lợi nhuận ròng	764	1.414	-46,0%	729	4,8%		1,1%	1,8%	1,0%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	641	1.168	-45,1%	738	-13,2%		0,9%	1,5%	1,0%

Nguồn: PLX, SSI Research

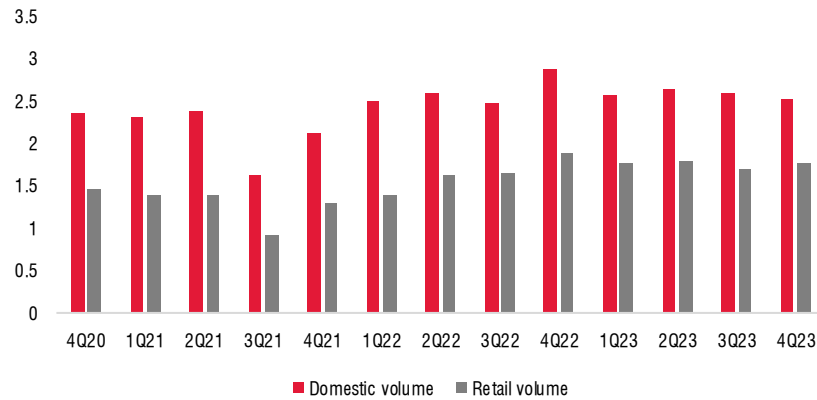
Cơ cấu LNTT	4Q23	4Q22	svck	So với quý trước	2023	2022	svck
Xăng dầu	322	722	-55%	-33%	1.684	-71	-2472%
Nhiên liệu bay	57	198	-71%	-175%	113	449	-75%
Hóa dầu	138	128	8%	-1%	557	637	-13%
LPG	31	44	-30%	-1%	141	164	-14%
Vận tải	53	380	-86%	-1%	293	498	-41%
Tổng cộng	850	1.646	-48%	-28%	3.932	2.270	73%

Nguồn: PLX, SSI Research

Trong Q4/2023, LNTT đạt 850 tỷ đồng, giảm 48,5% so với Q4/2022 và 28% so với quý trước do lợi nhuận bất thường từ việc thoái vốn PGB được ghi nhận trong Q3/2023.

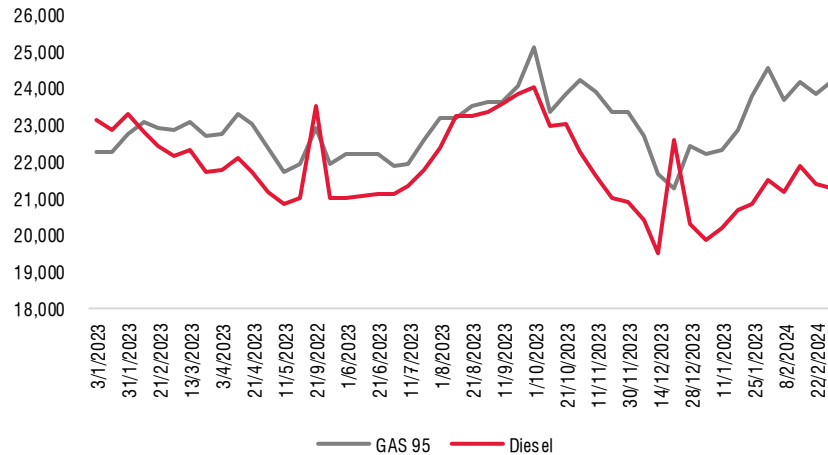
Mảng xăng dầu: Sản lượng tiêu thụ nội địa của PLX trong Q4/2023 giảm 11% svck đạt 2,6 triệu m3/tấn so với Q4/2022 (khi nguồn cung gián đoạn tại thị trường trong nước và nhiều doanh nghiệp bán lẻ nhỏ đóng cửa giúp sản lượng tiêu thụ của PLX tăng đột biến) và đi ngang so với quý trước. Sản lượng tiêu thụ từ kênh bán lẻ cũng giảm 7,7% svck đạt 1,7 triệu m3/tấn.

Tổng sản lượng tiêu thụ nội địa trong năm 2023 đi ngang đạt 10,32 triệu m3/tấn (chúng tôi xin lưu ý rằng năm 2022 có mức tăng trưởng mạnh 25% svck), trong khi sản lượng từ kênh bán lẻ tăng 6,9% svck đạt 7,02 triệu m3/tấn, tăng 40% từ năm 2021. Theo đó, tỷ trọng sản lượng tiêu thụ bán lẻ trong tổng sản lượng tiêu thụ nội địa tăng từ 63,5% trong năm 2022 lên 68,0% trong năm 2023.

Sản lượng tiêu thụ xăng dầu theo quý của PLX (triệu tấn)

Nguồn: PLX

Về mặt lợi nhuận, mặc dù trước đó PLX đã trích lập 777 tỷ đồng dự phòng hàng tồn kho trong quý trước và hoàn nhập toàn bộ trong Q4/2023, LNTT mảng xăng dầu giảm 55% svck và 33% so với quý trước đạt 322 tỷ đồng do giá xăng dầu giảm hơn 10% trong quý đã tác động kém tích cực đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Giá xăng dầu trong nước (Đồng/lít)

Nguồn: SSI Research

Giá dầu giảm cũng khiến lợi nhuận từ mảng nhiên liệu bay giảm 71% svck và 175% so với quý trước đạt 57 tỷ đồng trong quý. Trong khi đó, lợi nhuận của các mảng khác đi ngang so với quý trước.

Lũy kế năm 2023, LNTT đạt 3,93 nghìn tỷ đồng tăng mạnh 73,2% svck và vượt 22% kế hoạch của công ty.

Tỷ đồng	2023	2022	YoY	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận	
					2023	2022
Doanh thu thuần	274.253	304.064	-9,8%	144%		
Lợi nhuận gộp	15.252	12.320	23,8%		5,6%	4,1%
Lợi nhuận hoạt động	4.706	1.718	173,9%		1,7%	0,6%
EBIT	4.836	2.914	65,9%		1,8%	1,0%
EBITDA	6.941	5.083	36,6%		2,5%	1,7%
Lợi nhuận trước thuế	3.932	2.270	73,2%	122%	1,4%	0,7%
Lợi nhuận ròng	3.052	1.902	60,4%		1,1%	0,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	2.812	1.450	94,0%		1,0%	0,5%

Nguồn: PLX, SSI Research

PLX vẫn còn dư địa giành thị phần nhờ kiểm soát chặt chẽ hơn trong hoạt động kinh doanh xăng dầu: Chúng tôi kỳ vọng PLX sẽ có cơ hội giành thêm thị phần, nhờ việc kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động của các nhà phân phối xăng dầu. Ví dụ, Hải Hà Petro và Xuyên Việt Oil là những nhà phân phối xăng dầu lớn với tổng doanh thu khoảng 40 nghìn tỷ đồng trong năm 2022 đã bị thu hồi giấy phép và dừng việc thông quan xăng dầu do không đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi xăng dầu và có các vi phạm liên quan đến nợ thuế, hay sử dụng sai quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Ngoài ra, PLX cũng có thể được hưởng lợi từ việc Chính phủ yêu cầu các đại lý bán lẻ phát hành hóa đơn điện tử cho từng giao dịch nhằm tăng cường tính minh bạch trong ngành xăng dầu Việt Nam. Hiện tại theo ước tính mới chỉ có khoảng 36% trong số 17.000 đơn vị bán lẻ trong nước phát hành hóa đơn điện tử vào đầu tháng 2. Các cửa hàng xăng dầu không phát hành hóa đơn điện tử có thể đối mặt với nguy cơ bị thu hồi giấy phép hoạt động. Trong khi đó, PLX là đơn vị tiên phong phát hành hóa đơn điện tử và đã triển khai hệ thống này tại 2.700 điểm bán lẻ của doanh nghiệp từ giữa năm 2023. Do đó, quy định mới có thể giúp PLX giành được thị phần trong thời gian tới.

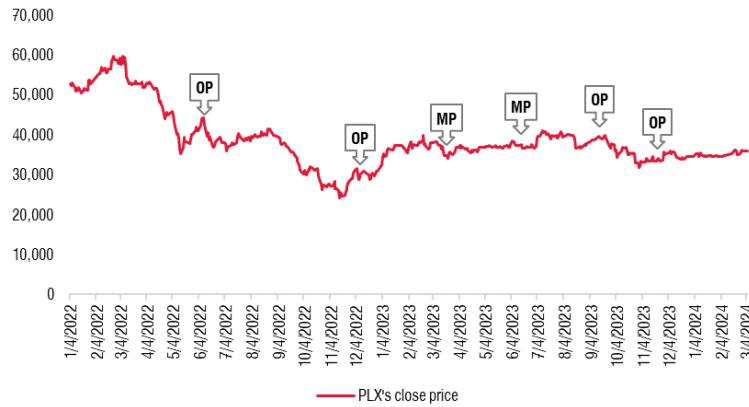
Ước tính lợi nhuận

Chúng tôi duy trì dự báo LNTT năm 2024 đạt 4,4 nghìn tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 12% svck. Chúng tôi giả định sản lượng tiêu thụ xăng dầu sẽ tăng 4,1% đạt 10,8 triệu m³/tấn, trong đó sản lượng bán lẻ có thể tăng 4,5% svck đạt 7,3 triệu m³. Công ty duy trì kế hoạch mở khoảng 60-80 trạm bán lẻ xăng dầu mới vào năm 2024, tương đương khoảng 2-3% số lượng cửa hàng hiện tại. Chúng tôi ước tính LNTT trong Q1/2024 có thể tăng hơn 15% svck nhờ giá dầu phục hồi trong vòng 2 tháng qua.

Định giá và luận điểm đầu tư

PLX đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2024 là 15x, thấp hơn mức trung bình lịch sử 18-20x. Chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu PLX, với giá mục tiêu 1 năm là 40.800 đồng/cổ phiếu dựa trên P/E mục tiêu là 16,5x. Bên cạnh mức tăng trưởng lợi nhuận tích cực, cổ tức tiền mặt 15%/mệnh giá tương đương tỷ suất cổ tức bằng tiền mặt là 4,1% sẽ hỗ trợ giá cổ phiếu PLX.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	6.192	11.606	13.379	20.898
+ Đầu tư ngắn hạn	11.832	7.098	16.537	16.539
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	7.600	12.674	10.973	9.520
+ Hàng tồn kho	13.163	17.232	14.634	10.757
+ Tài sản ngắn hạn khác	2.517	1.560	1.144	1.274
Tổng tài sản ngắn hạn	41.304	50.170	56.667	58.988
+ Các khoản phải thu dài hạn	27	30	28	29
+ GTCL Tài sản cố định	14.779	14.284	13.655	13.224
+ Bất động sản đầu tư	128	121	114	107
+ Tài sản dài hạn dở dang	587	557	879	879
+ Đầu tư dài hạn	5.290	6.499	4.798	4.798
+ Tài sản dài hạn khác	2.677	2.815	2.821	2.731
Tổng tài sản dài hạn	23.488	24.305	22.295	21.768
Tổng tài sản	64.791	74.476	78.962	80.756
+ Nợ ngắn hạn	35.207	45.695	48.980	49.001
Trong đó: vay ngắn hạn	14.225	13.590	19.186	18.919
+ Nợ dài hạn	1.324	998	797	811
Trong đó: vay dài hạn	1.144	823	647	676
Tổng nợ phải trả	36.531	46.693	49.777	49.811
+ Vốn góp	12.939	12.939	12.939	12.939
+ Thặng dư vốn cổ phần	7.359	7.359	7.359	7.359
+ Lợi nhuận chưa phân phối	3.474	2.706	4.186	5.434
+ Quý khác	4.489	4.779	4.701	5.212
Vốn chủ sở hữu	28.260	27.783	29.185	30.945
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	64.791	74.476	78.962	80.756
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	3.192	2.920	4.809	10.965
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-4.445	3.004	-8.830	-1.500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	686	-2.706	4.731	-1.946
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-567	3.218	710	7.519
Tiền đầu kỳ	10.612	6.192	11.606	13.379
Tiền cuối kỳ	10.041	9.434	12.317	20.898
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,17	1,1	1,16	1,2
Hệ số thanh toán nhanh	0,73	0,69	0,83	0,96
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,51	0,41	0,61	0,76
Nợ ròng / EBITDA	1,1	1,18	0,67	0,36
Khả năng thanh toán lãi vay	7,29	4,52	5,35	6,62
Ngày phải thu	15,5	11,5	14,6	12,2
Ngày phải trả	32,4	25,1	32,2	29,7
Ngày tồn kho	26,3	19	22,5	17,1
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,44	0,37	0,37	0,38
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,56	0,63	0,63	0,62
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,29	1,68	1,71	1,61
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,52	0,68	0,63
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,5	0,49	0,66	0,61

Nguồn: PLX, SS lược tính

Tỷ đồng	2021	2022	2023	2024F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	169.009	304.064	274.253	286.751
Giá vốn hàng bán	-156.386	-291.744	-259.001	-270.274
Lợi nhuận gộp	12.623	12.320	15.252	16.478
Doanh thu hoạt động tài chính	1.000	1.949	2.741	2.301
Chi phí tài chính	-836	-1.706	-1.722	-1.865
Thu nhập từ các công ty liên kết	569	703	600	650
Chi phí bán hàng	-9.073	-10.500	-12.128	-12.330
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-766	-823	-941	-975
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.517	1.942	3.802	4.259
Thu nhập khác	272	328	130	143
Lợi nhuận trước thuế	3.789	2.270	3.932	4.402
Lợi nhuận ròng	3.124	1.902	3.052	3.566
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.839	1.450	2.812	3.288
Lợi ích của cổ đông thiểu số	285	452	240	278
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	2.194	1.120	2.173	2.465
Giá trị sổ sách (VND)	19.417	18.930	20.037	21.181
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.200	700	1.500	1.500
EBIT	4.392	2.914	4.836	5.186
EBITDA	6.640	5.083	6.941	7.124
Tăng trưởng				
Doanh thu	36,4%	79,9%	-9,8%	4,6%
EBITDA	55,8%	-23,5%	36,6%	2,6%
EBIT	107,6%	-33,6%	65,9%	7,2%
Lợi nhuận ròng	149,4%	-39,1%	60,4%	16,8%
Vốn chủ sở hữu	17,1%	-1,7%	5,0%	6,0%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	6,0%	14,9%	6,0%	2,3%
Định giá				
PE	24,6	28,3	15,9	14,9
PB	2,8	1,7	1,7	1,7
Giá/Doanh thu	0,4	0,1	0,2	0,2
Tỷ suất cổ tức	2,2%	2,2%	4,3%	4,1%
EV/EBITDA	10,1	7,2	5	5,3
EV/Doanh thu	0,4	0,1	0,1	0,1
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,5%	4,1%	5,6%	5,7%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	2,0%	0,6%	1,7%	1,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	1,8%	0,6%	1,1%	1,2%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,4%	3,5%	4,4%	4,3%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,5%	0,3%	0,3%	0,3%
ROE	11,9%	6,8%	10,7%	11,9%
ROA	5,0%	2,7%	4,0%	4,5%
ROIC	8,6%	5,7%	8,2%	8,4%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu

tranglh1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu

chaunbm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

Phân tích Ngành Dầu khí

Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

Dữ liệu

Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ

vietlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ

tanntk@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

nganlt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư

chauttb@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043